

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 393/2020/DS-PT

Ngày 06-11-2020

V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tấn Quốc

Các Thẩm phán

Ông Trần Văn Quán

Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Long An tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2020/TLPT-DS ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn E, sinh năm 1962; địa chỉ cư trú: Số 133 Đường L, phường 1, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1972

2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1937

3. Ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Văn E, nguyên đơn.

(Các đương sự được triệu tập đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn ông Huỳnh Văn E trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông và ông H là hai anh em ruột, trước đây mẹ ông là bà Nguyễn Thị U sống chung nhà với vợ chồng ông H nên ông đã giao cho ông H một số tài sản để phục vụ nhu cầu cuộc sống của mẹ, cụ thể như sau:

- Năm 2007 ông có mua đất và nhà của người chị tên là Huỳnh Thị K, ông đã giao 7 cây gỗ thao lao (5m) kích thước 4 x 6; 30 tấm tole fibroxi măng để ông H sửa nhà.

- Khoảng năm 2007 - 2009 do dây điện nhà ông H sử dụng chung tập thể, điện yếu nên ông đã xin vô điện kế riêng và kéo dây điện khoảng 450m cho bà Nguyễn Thị U từ Quốc lộ 1A vào nhà ông H để sinh hoạt gia đình.

- Khoảng năm 2010 - 2012 ông có hùn nuôi bò với ông H nên có đem 12 ống nhựa PVC (phi 110), mỗi ống dài 6m để làm ống thoát nước chuồng bò. Khi đó ông H muốn đặt ống nên đã tự kêu người tới làm và trả tiền công thợ.

- Năm 2017 - 2018 ông xây nhà trọ có gạch ống thừa nên đã cho ông H khoảng 3.000 viên. Nay ông thấy ông H chất gạch để đóng không sử dụng nên ông muốn lấy lại để phục vụ tuổi già cho mẹ.

Khi đưa các tài sản trên, hai bên không có thỏa thuận gì, ông giao những tài sản này cho ông H là để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của mẹ chứ không phải cho ông H. Năm 2015 mẹ không còn ở chung với ông H nữa nên ông muốn lấy lại và ông xác định cho mẹ các tài sản tranh chấp chứ không phải cho vợ chồng ông H.

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, ông yêu cầu ông H trả khoảng 450m dây điện lõi đồng, 30 tấm tole fibroxi măng, 7 cây gỗ thao lao 4 x 6, 12 ống nhựa PVC (phi 110) mỗi ống dài 6m, gạch ống khoảng 3.000 viên loại nhất.

Nay ông yêu cầu vợ chồng ông H trả bằng hiện vật cho ông các tài sản theo biên bản thẩm định và định giá ngày 20/5/2020 như sau: Dây điện lõi đồng sáu chấu dài 415,8m; gạch ống hiệu Lâm Thành Nhung 2.192 viên; ống nhựa PVC (phi 110) 12 ống (mỗi ống 6m).

Ông rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi vợ chồng ông H trả 7 cây gỗ thao lao, 30 tấm tole fibroxi măng. Về phần định giá tài sản tranh chấp theo biên bản định giá và thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2020 đối với gạch ống 2.192 viên là 1.567.280 đồng; dây điện 415,8m là 3.201.660 đồng và ống nhựa PVC là 8.208.000 đồng ông thống nhất, không có ý kiến gì.

Bị đơn ông Huỳnh Văn H trình bày trong suốt quá trình giải quyết vụ án có nội dung như sau:

Ông thừa nhận các tài sản tranh chấp gồm dây điện, tole fibroxi măng, cây gỗ thao lao, ống nhựa PVC, gạch ống trước đây là của ông E nhưng ông E đã cho ông nên không có quyền đòi lại. Ông E cho rằng giao những tài sản tranh

chấp cho ông để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống của mẹ là không đúng do khi đó mẹ đã không còn sống chung với vợ chồng ông. Cây gỗ, tole ông đã sử dụng để lợp nhà sau. Về phần các ống nước, trước đây ông E có đem bò về cho vợ chồng ông nuôi nên đã đem ống nhựa PVC về làm ống thoát nước cho chuồng bò. Sau này ông E không nuôi nữa nên đã cho ông. Vợ chồng ông cực khổ nuôi bò cho ông E nên mới được cho ống nhựa. Dây điện kéo từ cột điện phía Quốc lộ 1A đến nhà ông cho năm nào ông cũng không nhớ rõ, khi đó nhà ông đang sử dụng dây điện tập thể thì ông E đem về đổi dây như hiện nay. Những tài sản như gỗ, tole, ống nhựa, dây điện ông E đã cho rồi thì không có quyền đòi lại, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông E. Về phần định giá tài sản tranh chấp ông thống nhất và không có ý kiến.

Về phần gạch ống, khi được cho vợ chồng ông đã rửa từng viên vận chuyển vô nhà chất đông nhưng chưa sử dụng. Nay nếu ông E nói lấy lại số gạch ống để phục vụ tuổi già cho mẹ thì vợ chồng ông đồng ý trả lại toàn bộ 2.192 viên gạch cho ông E.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị U trình bày: Bà là mẹ của ông E và ông H, bà không nhớ đã không ở chung với Hùng từ khi nào, khi ông E giao tài sản tranh chấp cho ông H bà không biết là đã nói gì với nhau và từ khi không còn ở chung với vợ chồng ông H thì bà đã cho ông H toàn bộ tài sản. Việc ông E tranh chấp với ông H để đòi tài sản thì bà không có ý kiến.

- Ông Nguyễn Minh Q trình bày:

Ông là anh em cùng mẹ khác cha với ông E và ông H, ông có sử dụng chung dây điện lạnh với ông H còn dây nóng thì sử dụng riêng, đồng hồ thì mỗi bên có riêng. Dây điện này là của ông E, do nhà ông H là nhà thờ nên ông E mới kéo dây điện phục vụ nhu cầu cuộc sống của mẹ. Ông E cho mẹ tài sản chứ không phải cho ông H, khi cho không có giấy tờ gì nhưng không phải cái gì cũng cho. Khi mẹ còn ở chung với ông H thì cho, đến năm 2015 mẹ không còn ở nhà ông H nữa thì ông H phải trả tài sản lại cho ông E. Trước đây mẹ đứng tên đồng hồ điện, sau đó ông H đổi qua tên ông H hồi nào cũng không biết.

Phần dây điện ông E cho mẹ chứ không phải cho ông hay cho ông H. Trong vụ án này ông không có yêu cầu gì, nếu ông E đòi thì ông sẽ thương lượng trả lại, ông chỉ là người được sử dụng chung đường dây nóng với ông H.

- Bà Nguyễn Thị Q trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của ông H, do vợ chồng bà đã phụ đây, đốt dây đồng nên ông E mới cho dây điện. Còn ống nhựa PVC là sử dụng để thoát nước nuôi bò do trước đây có nuôi bò của ông E, vợ chồng bà có công sức thì ông E mới cho ống nhựa. Về phần gạch ống bị ngập ún, sinh vợ chồng bà phải rửa, đây vô mới có như ngày nay. Do ông E đã cho vợ chồng bà những tài sản tranh chấp rồi thì bà không đồng ý trả lại. Về phần dây điện, khi ông E cho thì mẹ chồng đã không còn ở chung nhà với vợ chồng bà từ năm 2000.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 48/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 157, 165, 217, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 166 Bộ luật dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E đối với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Q về việc đòi lại 2.192 viên gạch hiệu Lâm Thành Nhung.

Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho ông Huỳnh Văn E 2.192 viên gạch hiệu Lâm Thành Nhung.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E đối với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Q về việc đòi lại 415,8m dây điện lõi đồng sáu chấm và 12 ống nhựa PVC (phi 110) mỗi ống dài 6m.

3. Đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E đối với ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Q về việc đòi 30 tấm tole fibroxi măng, 7 cây gỗ thao lao 4 x6.

Về quyền khởi kiện lại của đương sự được thực hiện theo Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng; án phí; quyền kháng cáo; quyền yêu cầu, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án.

Ngày 27/7/2020, ông Huỳnh Văn E kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông E.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông E không rút đơn khởi kiện và xác định lại yêu cầu kháng cáo là chỉ yêu cầu ông H trả lại 415,8m dây điện lõi đồng sáu chấm; các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và có ý kiến trình bày như sau:

Ông Huỳnh Văn E trình bày: Ông E xác định 415,8m dây điện lõi đồng sáu chấm hiện nay trị giá khoảng 2 triệu đồng nhưng ông không đồng ý nhận giá trị mà yêu cầu ông H phải trả bằng hiện vật.

Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Q trình bày: Ông bà không đồng ý với yêu cầu của ông E đòi trả 415,8m dây điện lõi đồng sáu chấm vì ông E đã cho vợ chồng ông bà. Tuy nhiên, để anh em được hòa thuận ông bà đồng ý hoàn trả giá trị dây điện là 2 triệu đồng cho ông E và đồng ý cho ông Q được tiếp tục sử dụng đường dây điện này.

Ngoài ra, các đương sự vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tính hợp lệ của kháng cáo: Đơn kháng cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ

đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết yêu cầu kháng cáo: Nguồn gốc đường dây điện lõi đồng sáu chấu 415,8m là của ông E, ông E cho rằng khi bà U sống chung với ông H thì ông E kéo điện để bà U tiện sinh hoạt, nay bà U không sống chung nên ông H phải trả lại cho ông E. Tuy nhiên, đường dây điện đã được kéo vào nhà của ông H trong khi ông E không chứng minh chỉ kéo điện cho bà U sinh hoạt chứ không cho ông H dây điện nên có cơ sở xác định khi kéo điện vào nhà của ông H thì được xem là đã cho ông H dây điện. Do đó ông E cho rằng dây điện vẫn thuộc quyền sở hữu của ông là không có cơ sở nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H bà Q đồng ý hoàn trả giá trị dây điện là 2 triệu đồng cho ông E, đây là sự tự nguyện nên cần ghi nhận. Vì vậy, đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông E, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp và xét xử có mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 26, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), bản án sơ thẩm đảm bảo thủ tục tố tụng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều có mặt, Tòa án tiến hành xét xử theo trình tự phúc thẩm là phù hợp quy định tại Điều 296 BLTTDS.

Về việc giải quyết yêu cầu kháng cáo:

[3] Ông E kháng cáo yêu cầu ông H trả lại 415,8m dây điện lõi đồng sáu chấu. Xét kháng cáo của ông E thấy rằng:

[4] Các đương sự đều thống nhất nguồn gốc đường dây điện lõi đồng sáu chấu 415,8m là của ông E nhưng ông E cho rằng ông kéo đường dây điện này để cho bà U (mẹ của ông E, ông H) tiện sinh hoạt, không phải cho riêng ông H, nay bà U không sống chung nên ông H phải trả lại dây điện cho ông E. Còn ông H bà Q cho rằng ông E đã cho ông bà đường dây này sau khi bà U không còn ở chung nhà với ông bà.

[5] Xét thấy, đường dây điện là do ông E kéo vào nhà của ông H bà Q và tại Tòa án cấp sơ thẩm bà U khai khi ông E giao tài sản tranh chấp cho ông H, bà không biết hai bên đã nói gì với nhau và từ khi không còn ở chung với vợ chồng ông H thì bà đã cho ông H toàn bộ tài sản; ông Q thì khai ông E cho bà U dây điện chứ không cho ông hay ông H. Ngoài ra, không có chứng cứ gì cho thấy ông E chỉ cho vợ chồng ông H hoặc bà U mượn đường dây này hay có thỏa thuận với vợ chồng ông H hoặc bà U là chỉ kéo điện trong thời gian bà U sống chung nhà, sau đó phải giao trả lại cho ông E. Do vậy từ lời khai của bà U, ông Q và ông E có đủ cơ sở xác định ông E đã cho bà U và vợ chồng ông H đường dây điện này và sau đó bà U đã cho lại vợ chồng ông H. Vì vậy, ông E khởi kiện yêu cầu ông H bà Q giao trả dây điện là không có cơ sở.

[6] Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay ông H bà Q đồng ý hoàn trả giá trị dây điện là 2 triệu đồng cho ông E, đây là sự tự nguyện nên cần ghi nhận, chấp nhận một phần kháng cáo của ông E, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần này.

[7] Về án phí sơ thẩm, ông H bà Q phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm đối với số tiền 3.567.280 đồng (gồm giá trị gạch 1.567.280đ, giá trị dây điện 2.000.000đ); ông E phải chịu 410.400 đồng án phí sơ thẩm đối với giá trị 12 ống nhựa PVC là 8.208.000 đồng. Về án phí phúc thẩm, ông E không phải chịu.

[8] Các phần khác không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn E.

Sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 và các Điều 35, 39, 147, 148, 157, 165, 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 221, 237, 279, 288 Bộ luật dân sự; Điều 26, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E đối với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Q.

- Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải trả lại cho ông Huỳnh Văn E 2.192 viên gạch hiệu Lâm Thành Nhung.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Q đồng ý liên đới hoàn trả cho ông Huỳnh Văn E giá trị 415,8m dây điện lõi đồng sáu chấm với số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E đối với ông Huỳnh Văn H, bà Nguyễn Thị Q về việc đòi lại 12 ống nhựa PVC (phi 110) mỗi ống dài 6m.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn E đối với ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Q về việc đòi 30 tấm tole fibroxi măng, 7 cây gỗ thao lao 4 x6.

Về quyền khởi kiện lại của đương sự được thực hiện theo Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Về chi phí thẩm định tại chỗ, định giá: Ông Huỳnh Văn E phải chịu 2.090.000 đồng và đã chi xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn E phải chịu 410.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 380.000 đồng và 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007016 ngày 05/3/2020; số 0007288 ngày 27/7/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An; hoàn trả lại cho ông E tiền tạm ứng án phí còn thừa là 269.600 đồng.

Ông Huỳnh Văn H và bà Nguyễn Thị Q phải liên đới chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện;
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tấn Quốc